

Số: /TTr-BNV
(Dự thảo ngày 12.9.2026)

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH

Ban hành Nghị quyết về chế độ hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động phải làm việc xa nơi cư trú do sắp xếp tổ chức bộ máy và thực hiện chính quyền địa phương hai cấp

Kính gửi: Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà;
Đồng kính gửi: Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hung.

Thực hiện nhiệm vụ được giao¹ về xây dựng phương án hỗ trợ kinh phí đối với công chức, người lao động trong các đơn vị, tổ chức theo hệ thống ngành dọc phải làm việc xa nhà do thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, Bộ Nội vụ báo cáo, xin ý kiến Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ về ban hành Nghị quyết về chế độ hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động phải làm việc xa nơi cư trú do sắp xếp tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính và thực hiện chính quyền địa phương hai cấp như sau:

I. CƠ SỞ CHÍNH TRỊ, CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ CƠ SỞ THỰC TIỄN

1. Cơ sở chính trị

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả xác định rõ quan điểm chỉ đạo: *gắn đổi mới tổ chức bộ máy với tinh giản biên chế, cải cách chế độ tiền lương; bố trí đủ nguồn lực cần thiết và có cơ chế, chính sách phù hợp đối với những người chịu tác động trực tiếp trong quá trình sắp xếp.*

- Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025, trong đó nhấn mạnh yêu cầu *phải làm tốt công tác chính trị, tư tưởng, chế độ, chính sách đối với cán bộ bị tác động, ảnh hưởng.*

- Kết luận số 178-KL/TW ngày 17/07/2025 của Bộ Chính trị và Ban Bí thư về tiếp tục triển khai các nhiệm vụ bảo đảm tổ chức bộ máy của đơn vị hành chính 2 cấp hoạt động thông suốt, hiệu quả, *yêu cầu chăm lo đời sống, thực hiện đầy đủ các chính sách an sinh, ổn định bộ máy và đội ngũ cán bộ cơ sở.*

- Thông báo chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW tại các phiên họp định kỳ về việc bố trí cán bộ công

¹ Văn bản số 7677/VPCP-KTTH ngày 04/8/2026 và Thông báo số 449/TB-VPCP ngày 24/8/2026 của Văn phòng Chính phủ

tâm, khách quan, giải quyết kịp thời và đầy đủ các chế độ, chính sách liên quan, chăm lo đời sống, bảo đảm quyền lợi chính đáng cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong quá trình sắp xếp, không để phát sinh tâm lý dao động, ảnh hưởng đến chất lượng thực thi công vụ.

2. Cơ sở pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước (điểm c khoản 1 Điều 15);

- Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định các chế độ chi ngân sách để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an sinh xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách địa phương (điểm l khoản 9 Điều 31).

- Luật Cán bộ, công chức năm 2025 quy định cán bộ, công chức được bảo đảm các điều kiện thi hành công vụ, được hưởng các chế độ về tiền lương và các chế độ khác theo quy định của pháp luật; được hưởng chính sách ưu đãi về nhà ở, phương tiện đi lại; cán bộ, công chức được điều động, luân chuyển, biệt phái được thuê nhà ở công vụ trong thời gian đảm nhiệm công tác (Điều 10 và Điều 11);

- Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2024 quy định công chức khác, viên chức và người lao động của Tòa án được cấp trang phục và hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật (Điều 145).

- Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 (được sửa đổi tại Luật số 82/2025/QH15) quy định Chế độ tiền lương đối với công chức khác, viên chức và người lao động khác của Viện kiểm sát nhân dân được thực hiện theo quy định của pháp luật (khoản 1 Điều 95).

- Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, trong đó Điều 13 quy định thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong việc xem xét, ban hành văn bản hoặc ủy quyền ban hành văn bản để giải quyết các vấn đề phát sinh khi sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

- Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025 (khoản 2 Điều 12 quy định trách nhiệm của chính quyền địa phương trong bố trí nhà ở công vụ, phương tiện, điều kiện đi lại cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sau sắp xếp);

- Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh năm 2025 (Điều 3 quy định trách nhiệm hỗ trợ, kịp thời giải quyết khó khăn, vướng mắc của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bị tác động, ảnh hưởng);

- Nghị quyết số 31/2026/NQ-QH16 ngày 24/4/2026 của Quốc hội khóa XVI quy định nguồn kinh phí tiết kiệm chi hoạt động thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025 do sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương hai cấp phải được sử dụng để bổ sung nguồn cải cách tiền lương;

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 87/2025/QH15) quy định Chính phủ ban hành Nghị quyết để giải quyết các vấn đề cấp bách, quan trọng phát sinh từ thực tiễn và để áp dụng trong một thời gian nhất định, phạm vi cụ thể thuộc thẩm quyền của Chính phủ (Điều 14);

- Chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 7677/VPCP-KTTH ngày 04/8/2026, Thông báo số 449/TB-VPCP ngày 24/8/2026 của Văn phòng Chính phủ.

3. Cơ sở thực tiễn

a) Chính sách đã ban hành tại các địa phương

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15, có 29/34 địa phương² ban hành nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý của địa phương bị ảnh hưởng do thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính. Chính sách của các địa phương tập trung vào một số nội dung chủ yếu sau: chi phí đi lại và chi phí thuê nhà ở/lưu trú, chi phí sinh hoạt, ăn ở hoặc hỗ trợ một lần chi phí vận chuyển, ổn định chỗ ở ban đầu; mức hỗ trợ; thời gian hỗ trợ; nguồn kinh phí.

Đối tượng áp dụng là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập chịu ảnh hưởng do thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và một số địa phương mở rộng áp dụng công chức, viên chức, người lao động thuộc các cơ quan Trung ương làm việc trên địa bàn tỉnh.

(Bảng tổng hợp chế độ, chính sách của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do sắp xếp tổ chức bộ máy và thực hiện chính quyền địa phương hai cấp kèm theo).

b) Về đề xuất của các bộ, ngành Trung ương

Trong quá trình thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp và sắp xếp tổ chức bộ máy mới, một số bộ, cơ quan Trung ương có hệ thống tổ chức theo ngành dọc đã có văn bản đề xuất chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động phải thay đổi nơi làm việc, làm việc xa nơi cư trú, gồm: Viện kiểm sát nhân dân tối cao (Văn bản số 5307/VKSTC-C3 ngày 29/10/2026); Tòa án nhân dân tối cao (Văn bản số 232/TANDTC-KHTC ngày 17/6/2026); Bộ Tài chính (Tờ trình số 709/TTr-BTC ngày 09/10/2025, Văn bản số 10375/BTC-

² Còn 5 địa phương chưa ban hành gồm: Hà Nội, Điện Biên, Nghệ An, Sơn La, Hà Tĩnh.

KHTC ngày 17/7/2026); Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Tờ trình số 216/TTr-NHNN ngày 04/12/2025).

Qua tổng hợp các đề xuất của cơ quan nêu trên, có sự khác nhau về đối tượng, điều kiện, mức hỗ trợ và thời gian thực hiện, xuất phát từ đặc thù tổ chức, phạm vi sắp xếp và khả năng bảo đảm nguồn lực của từng cơ quan.

Do đó, cần thiết ban hành Nghị quyết của Chính phủ quy định thống nhất chế độ hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động phải làm việc xa nơi cư trú do thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính và thực hiện chính quyền địa phương hai cấp, nhằm bảo đảm chính sách được thực hiện thống nhất, công khai, minh bạch, đúng đối tượng; đồng thời bảo đảm tương quan về chính sách giữa các cơ quan Trung ương có hệ thống ngành dọc và các địa phương đã ban hành chính sách hỗ trợ trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành

a) Nhằm kịp thời hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động phải thay đổi nơi làm việc, làm việc xa nơi cư trú do thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính và thực hiện chính quyền địa phương hai cấp; góp phần giảm bớt khó khăn, chi phí phát sinh, ổn định đời sống và tạo điều kiện để đội ngũ yên tâm công tác, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

b) Bảo đảm có chính sách hỗ trợ thống nhất đối với các trường hợp thuộc phạm vi điều chỉnh, phù hợp với yêu cầu thực tiễn trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy, tránh phát sinh bất bình đẳng giữa các đối tượng có hoàn cảnh, điều kiện tương đồng và góp phần thực hiện hiệu quả chủ trương sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp.

2. Quan điểm xây dựng

a) Bảo đảm phù hợp với chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước về tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính và thực hiện chính quyền địa phương hai cấp phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.

b) Chính sách hỗ trợ được xây dựng trên cơ sở đúng đối tượng, đúng nguyên nhân phát sinh việc phải làm việc xa nơi cư trú do sắp xếp tổ chức bộ máy; xác định rõ phạm vi, điều kiện, thời gian hưởng và các trường hợp không thuộc diện hỗ trợ, bảo đảm công khai, minh bạch, tránh trục lợi chính sách và hạn chế việc áp dụng không thống nhất.

c) Mức hỗ trợ bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế, có tính khả thi, tương quan với khoảng cách từ nơi cư trú đến nơi làm việc và khả năng cân đối nguồn lực; đồng thời phân định rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị.

d) Bảo đảm chính sách có tính chất hỗ trợ trong thời gian nhất định, gắn với quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính và thực hiện chính quyền địa phương hai cấp; không làm thay đổi chế độ tiền lương, phụ cấp và các chế độ, chính sách khác đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG

1. Thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ Nội vụ đã nghiên cứu, rà soát, tổng hợp các quy định, chính sách hỗ trợ của các địa phương đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động phải đi làm việc xa nơi cư trú trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy, qua đó nghiên cứu về đối tượng, điều kiện, nội dung và mức hỗ trợ, nguồn kinh phí thực hiện và cách thức tổ chức thực hiện; đồng thời đánh giá sự tương đồng, khác biệt giữa các chính sách để làm cơ sở nghiên cứu phương án chính sách chung.

2. Bộ Nội vụ đã tổ chức buổi họp với đại diện các Bộ, cơ quan gồm: Tài chính, Xây dựng, Tư pháp; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Tòa án nhân dân tối cao; Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Kiểm toán Nhà nước vào ngày 07/9/2026³. Tại buổi họp, tất cả các cơ quan đều thống nhất đề xuất Chính phủ ban hành Nghị quyết.

Bộ Nội vụ xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị quyết.

3. Gửi xin ý kiến các cơ quan liên quan về dự thảo Nghị quyết⁴.

Trên cơ sở góp ý của các cơ quan, Bộ Nội vụ đã tiếp thu, chỉnh lý và hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình Chính phủ.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết gồm 9 Điều (không chia thành Chương, mục trong dự thảo), cụ thể: Điều 1 về phạm vi điều chỉnh; Điều 2 về đối tượng áp dụng; Điều 3 về chế độ hỗ trợ; Điều 4 về kinh phí thực hiện; Điều 5 về trách nhiệm thực hiện; Điều 6 về điều khoản thi hành.

2. Nội dung chính

a) Phạm vi và đối tượng áp dụng

- Dự thảo Nghị quyết quy định chế độ hỗ trợ chi phí đi lại và chi phí thuê nhà ở đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động phải làm việc xa nơi cư trú do thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính và thực hiện chính quyền địa phương hai cấp.

- Đối tượng áp dụng là cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết, có quyết định điều động làm thay đổi trụ sở nơi làm việc, phải làm việc xa nơi cư trú và đáp ứng các điều kiện hưởng hỗ trợ theo quy định.

- Thời gian quyết định điều động có hiệu lực từ ngày 01/3/2025 đến hết ngày 31/12/2026; đồng thời loại trừ trường hợp tuyển dụng mới, chuyển công tác theo nguyện vọng cá nhân, nghỉ thôi việc, nghỉ hưu theo chính sách, chế độ về sắp

³ Giấy mời số 246/BNV-CCVC ngày 04/9/2026.

⁴ Văn bản số /BNV-CCVC ngày /9/2026

xếp tổ chức bộ máy. Người thuộc đối tượng áp dụng phải có khoảng cách từ nơi cư trú đến nơi làm việc từ 30 km trở lên, tính theo tuyến đường bộ ngắn nhất.

b) Chế độ hỗ trợ

- Dự thảo quy định 02 khoản hỗ trợ, gồm hỗ trợ chi phí đi lại và hỗ trợ chi phí thuê nhà ở. Việc xác định mức hỗ trợ được nghiên cứu trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh, khoảng cách từ nơi cư trú đến nơi làm việc, mặt bằng chính sách hỗ trợ của các địa phương và các đề xuất của bộ, ngành Trung ương, đồng thời bảo đảm phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước.

+ **Về chi phí đi lại:** dự thảo xác định mức hỗ trợ theo khoảng cách từ nơi cư trú đến nơi làm việc, gồm: 1.000.000 đồng/người/tháng đối với khoảng cách từ 30 km đến dưới 50 km; 1.500.000 đồng/người/tháng đối với khoảng cách từ 50 km đến dưới 100 km; 2.000.000 đồng/người/tháng đối với khoảng cách từ 100 km trở lên. Việc phân mức theo khoảng cách nhằm phản ánh tương đối mức chi phí đi lại phát sinh thực tế, bảo đảm người có khoảng cách di chuyển xa hơn được hưởng mức hỗ trợ cao hơn, đồng thời không áp dụng một mức hỗ trợ như nhau cho tất cả các trường hợp. Mức hỗ trợ nêu trên có tham khảo phương pháp xác định trên cơ sở khoảng cách di chuyển, định mức tiêu hao nhiên liệu và giá nhiên liệu.

+ **Về chi phí thuê nhà ở:** Qua rà soát chính sách của các địa phương sau sắp xếp đơn vị hành chính và thực hiện chính quyền địa phương hai cấp cho thấy, nhiều địa phương đã quy định hỗ trợ tiền thuê nhà ở ở mức từ 2.000.000 đến 3.000.000 đồng/người/tháng, có trường hợp cao hơn đối với địa bàn hoặc đối tượng có điều kiện đặc thù. Trên cơ sở đó, Bộ Nội vụ đề xuất mức hỗ trợ tiền thuê nhà 3.000.000 đồng/người/tháng đối với trường hợp thực tế phải thuê nhà ở. Mức này được xác định theo hướng hỗ trợ một phần chi phí thuê chỗ ở phát sinh, không phải thanh toán toàn bộ chi phí thuê nhà theo giá thực tế; đồng thời tương đồng với mặt bằng một số chính sách hỗ trợ đã được địa phương ban hành và tạo điều kiện để người được điều động có thể ổn định nơi ở trong thời gian thực hiện nhiệm vụ tại địa bàn mới.

- Thời gian hưởng hỗ trợ được tính từ ngày 01/3/2025 đến hết ngày 28/02/2027; trường hợp quyết định điều động có hiệu lực sau ngày 01/3/2025 thì tính hưởng từ ngày quyết định có hiệu lực.

- Mức hỗ trợ trong tháng theo thời gian công tác thực tế, được chi trả cùng kỳ lương hằng tháng; không dùng để tính đóng, hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

c) Kinh phí thực hiện theo nguồn kinh phí và mức độ tự chủ tài chính của từng loại cơ quan, đơn vị. Đối với cán bộ, công chức, kinh phí do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác; đối với viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập, kinh phí được bảo đảm từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp, ngân sách nhà nước và các nguồn thu hợp pháp khác tương ứng với mức độ tự chủ tài chính của đơn vị.

d) Tổ chức thực hiện

- Bộ Tài chính có trách nhiệm trong việc trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện chính sách

- Giao người đứng đầu cơ quan quản lý cán bộ, công chức, viên chức chỉ đạo lập danh sách đối tượng hưởng hỗ trợ, lập dự toán kinh phí, tổ chức thẩm định và quyết định đối tượng được hưởng, bảo đảm việc thực hiện chính sách đúng đối tượng, điều kiện và quy định của pháp luật.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Dự kiến nguồn lực thực hiện

a) Để xác định nhu cầu nguồn lực thực hiện chính sách trong thời gian từ ngày 01/3/2025 đến hết ngày 28/02/2027 như theo dự thảo Nghị quyết, Bộ Nội vụ đã liên hệ với một số cơ quan chưa có báo cáo đề xuất, theo đó tổng hợp số lượng dự kiến chịu ảnh hưởng là khoảng **21.740 người**, cụ thể: Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (khoảng **4.582 người**); Tòa án nhân dân tối cao (khoảng **4.877 người**); Bộ Tư pháp (khoảng **2.306 người**); Bộ Tài chính (khoảng **9.076 người**); Kiểm toán Nhà nước (khoảng **100 người**); Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (khoảng **799 người**).

Trên cơ sở số lượng đối tượng nêu trên và mức hỗ trợ tối đa theo dự thảo Nghị quyết (không phân loại chi tiết theo khoảng cách), dự kiến tổng nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách khoảng **2.610 tỷ đồng**

b) Kinh phí thực hiện chính sách được bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành đối với cán bộ, công chức; đối với viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập, thực hiện theo mức độ tự chủ tài chính của đơn vị và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Đối với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, kinh phí thực hiện chính sách được bảo đảm từ nguồn kinh phí của Ngân hàng Nhà nước theo cơ chế tài chính áp dụng đối với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật; việc bố trí, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách và cơ chế tài chính đặc thù của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện chính sách của các cơ quan, đơn vị bảo đảm đúng đối tượng, mức hỗ trợ, thời gian hưởng và trong phạm vi nguồn kinh phí được cấp có thẩm quyền giao hoặc được phép sử dụng theo quy định của pháp luật.

2. Điều kiện bảo đảm thực hiện

a) Việc thi hành Nghị quyết được bảo đảm thông qua cơ quan quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động hiện có; không làm phát sinh tổ chức, bộ máy hoặc bố trí thêm biên chế để thực hiện chính sách.

b) Các bộ, cơ quan Trung ương và đơn vị có liên quan căn cứ quy định tại Nghị quyết, tình hình thực tế và phạm vi quản lý để rà soát, xác định đúng đối tượng, điều kiện hưởng hỗ trợ; lập danh sách, xác định nhu cầu kinh phí, tổ

chức chi trả, quản lý và quyết toán kinh phí theo quy định. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của danh sách đối tượng, điều kiện hưởng hỗ trợ, nhu cầu kinh phí và việc tổ chức thực hiện chính sách thuộc phạm vi quản lý.

c) Bộ Tài chính tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách đối với các đối tượng của các cơ quan có đối tượng thuộc phạm vi của Nghị quyết báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí kinh phí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Đối với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, việc bảo đảm kinh phí thực hiện chính sách được thực hiện theo cơ chế tài chính áp dụng đối với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và trong phạm vi nguồn kinh phí được phép sử dụng theo quy định của pháp luật; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí theo quy định.

d) Việc thực hiện chính sách phải bảo đảm đúng đối tượng, đúng điều kiện, đúng mức hỗ trợ và thời gian được hưởng; không trùng lặp với các chế độ hỗ trợ khác có cùng mục đích và không làm phát sinh kinh phí ngoài phạm vi được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc nguồn kinh phí được phép sử dụng theo quy định.

đ) Các bộ, cơ quan Trung ương và đơn vị có liên quan có trách nhiệm rà soát, xác định đúng đối tượng và điều kiện hưởng hỗ trợ; lập danh sách, dự toán kinh phí, tổ chức chi trả, quản lý và quyết toán kinh phí theo quy định. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm về tính chính xác của danh sách đối tượng, nhu cầu kinh phí và việc tổ chức thực hiện chính sách thuộc phạm vi quản lý.

(Có dự thảo Nghị quyết và Bảng tổng hợp ý kiến của các cơ quan, đơn vị kèm theo).

Bộ Nội vụ trân trọng kính trình Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- PTTgTTCP Phạm Gia Túc (để báo cáo);
- PTTgCP Nguyễn Văn Thắng (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- TT Trương Hải Long;
- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu: VT, CCVC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trương Hải Long

Số: /2026/NQ-CP
(Dự thảo ngày 12.9.2026)

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Về chế độ hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động phải làm việc xa nơi cư trú do sắp xếp tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính và thực hiện chính quyền địa phương hai cấp

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15;

Căn cứ Luật Viên chức số 129/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

Chính phủ ban hành Nghị quyết về chế độ hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động phải làm việc xa nơi cư trú do sắp xếp tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính và thực hiện chính quyền địa phương hai cấp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về chế độ hỗ trợ, gồm: hỗ trợ chi phí đi lại và hỗ trợ chi phí thuê nhà ở do phải làm việc xa nơi cư trú đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc diện sáp nhập, hợp nhất, tổ chức lại thuộc các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc thuộc Bộ, cơ quan ở Trung ương khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính và thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, gồm:

1. Bộ Tài chính;
2. Bộ Tư pháp;
3. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
4. Tòa án nhân dân tối cao;
5. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
6. Kiểm toán nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động nêu tại Điều 1 Nghị định này trong danh sách trả lương của cơ quan, tổ chức, đơn vị có quyết định điều động có hiệu lực trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 3 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026 phải thay đổi trụ sở nơi làm việc xa nơi cư trú, gồm:

- a) Cán bộ, công chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức;
- b) Viên chức theo quy định của Luật Viên chức;
- c) Người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng lao động theo quy định của Chính phủ.

2. Không áp dụng chế độ hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này đối với trường hợp tuyển dụng mới; người chuyển công tác theo nguyện vọng cá nhân; người nghỉ thôi việc, người nghỉ hưu theo quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2025).

Điều 3. Chế độ hỗ trợ

Đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị quyết này phải di chuyển từ nơi cư trú đến nơi làm việc từ 30 km trở lên (tính theo tuyến đường bộ ngắn nhất) được hưởng 02 khoản hỗ trợ, gồm:

1. Hỗ trợ chi phí đi lại:
 - a) Mức 1.000.000 đồng/người/tháng: Khoảng cách từ 30 km đến dưới 50 km;
 - b) Mức 1.500.000 đồng/người/tháng: Từ 50 km đến dưới 100 km;
 - c) Mức 2.000.000 đồng/người/tháng: Từ 100 km trở lên.
2. Hỗ trợ chi phí thuê nhà ở:

Mức 3.000.000 đồng/người/tháng đối với người phải thuê nhà.

3. Chế độ hỗ trợ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được tính hưởng từ ngày ngày 01 tháng 3 năm 2025 đến hết ngày 28 tháng 02 năm 2027; được chi trả cùng kỳ lương hằng tháng; không dùng để tính đóng, hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

Trường hợp có quyết định điều động sau ngày 01 tháng 3 năm 2025 thì được tính hưởng từ ngày quyết định điều động có hiệu lực.

Trường hợp thời gian công tác thực tế trong tháng dưới 11 ngày làm việc thì được tính hưởng 1/2 mức hỗ trợ tháng; từ 11 ngày làm việc trở lên được tính hưởng cả tháng.

Điều 4. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện mức hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này thực hiện như sau:

1. Đối với cán bộ, công chức: Do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành quy định tại Luật Ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Đối với viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập

a) Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư: Kinh phí chi trả mức hỗ trợ từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp của đơn vị và nguồn thu hợp pháp khác;

b) Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên: Kinh phí chi trả mức hỗ trợ từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp của đơn vị và nguồn thu hợp pháp khác;

c) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: Kinh phí chi trả mức hỗ trợ từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp của đơn vị, nguồn ngân sách nhà nước cấp và nguồn thu hợp pháp khác. Ngân sách nhà nước sẽ bố trí kinh phí trên số lượng người hưởng lương từ ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao (nếu có);

d) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên: Do ngân sách nhà nước cấp.

Điều 5. Trách nhiệm thực hiện

1. Bộ Tài chính có trách nhiệm trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí để thực hiện mức hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này.

2. Người đứng đầu cơ quan quản lý cán bộ, công chức, viên chức có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo, hướng dẫn người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý lập danh sách đối tượng được hưởng mức hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này; lập dự toán kinh phí thực hiện, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước;

b) Chỉ đạo cơ quan tổ chức cán bộ, cơ quan tài chính thẩm định danh sách, đối tượng, kinh phí thực hiện mức hỗ trợ; quyết định đối tượng được hưởng mức hỗ trợ và tổ chức thực hiện mức hỗ trợ đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý theo đúng quy định.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTGCP, TGD Công TTĐT;
- Lưu: VT, KTTH.

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG